

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài
sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Kim Khuyên

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà
Diệp Thị Thanh Tâm- kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:193/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1979 (có mặt)

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (có mặt)

Đều cư trú: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1933 (vắng mặt); Nơi cư trú: tổ 12, khu 3, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 (vắng mặt); Nơi cư trú: tổ 29, Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt); HKTT; thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện cư trú: tổ 29, Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 01/3/2005 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Tổ chức xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn do anh T rượu chè về đui đánh chị ra khỏi nhà. Tháng 8/2022 vợ chồng sống ly thân nhưng vẫn ở chung nhà, đến tháng 12/2022 anh T đui chị ra khỏi nhà chồng cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay, hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Thị Kiều L, sinh ngày 16/12/2005, Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 15/12/2010, hiện hai con đang ở cùng chị. Ly hôn cháu L đã trưởng thành không đề nghị tòa án giải quyết, chị xin nuôi cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đi làm công ty thu nhập bình quân 6.000.000đ – 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 125m² đất tại khu C, xã N trị giá 800.000.000đ, ly hôn chị yêu cầu chia đôi chị xin sử dụng bằng đất và thanh toán cho anh T một nửa bằng tiền.

Về công nợ: Vợ chồng không vay và nợ ai gì không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: không có không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị O ngày 01/3/2005 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Tổ chức xong chị O về làm ăn chung sống cùng gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị O chơi bời với một người nữ giới anh đã khuyên bảo nhưng chị O bảo là bỏ chồng chứ không bỏ bạn nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 khi đó vợ chồng vẫn ở chung nhà. Tháng 12/2022 chị O bỏ ra ngoài ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị O.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Thị Kiều L, sinh ngày 16/12/2005, Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 15/12/2010, hiện hai con đang ở cùng chị O. Ly hôn cháu L đã trưởng thành không đề nghị tòa án giải quyết, anh nhất trí để chị O nuôi cháu Triết và anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O. Hiện anh đi làm công ty thu nhập bình quân 5.000.000đ – 6.000.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 125m² đất tại khu C, xã N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn T không phải là của vợ chồng mà là của chung gia đình gồm bố mẹ anh (bố anh chết năm 2017), mẹ đẻ anh Trần Thị H, sinh năm 1933; chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình

Dương; hai chị gái Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; đều hiện đang ở: tổ 29, Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Ly hôn anh yêu cầu chia cho toàn thể gia đình, anh xin sử dụng bằng đất và thanh toán cho chị O bằng tiền. Hiện anh đang ở nhà trên đất của bố mẹ anh tại thôn H, xã N.

Về công nợ, công sức: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết bà có đơn xin xét xử vắng mặt, bà trình bày: Bà là chị gái của anh Nguyễn Văn T, hiện nay bà vẫn trong hộ khẩu của gia đình anh T. Khi đó gia đình có bố mẹ, chị Nguyễn Thị T, bà, vợ chồng anh T và các con anh T. Đối với diện tích đất 125m² đất tại thôn Đ, xã N mà chị O khai là của vợ chồng anh chị là không đúng mà là của cả gia đình trong đó có bố mẹ, chị T và bà đóng góp, các con chị O còn nhỏ không đóng góp gì. Khi mua đất bà và chị T đi làm mỗi lần về có đem tiền về đưa trực tiếp cho bố mẹ để đưa cho anh T mua đất không có giấy tờ gì. Nay anh T, chị O ly hôn bà yêu cầu chia đều cho các thành viên trong gia đình bà xin sử dụng đất. Ngoài ra khoảng năm 1998 bà bị bán sang Trung Quốc thỉnh thoảng bà vẫn về gia đình tại xã N. Đến khoảng năm 2012-2013 thì bà về Việt Nam ở hẳn bà và con gái nhập khẩu về cùng gia đình bố mẹ và anh T khi đó cháu L còn nhỏ ở đi học còn bà đi làm ăn thỉnh thoảng mới về xã N. Hiện bà đang sinh sống tại tổ 29, Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước còn cháu L đi làm tự do và ở chỗ khác. Khi đó bà đi làm mỗi lần về vẫn đưa tiền cho bố mẹ, con gái Nguyễn Kim L còn nhỏ không có đóng góp gì vào việc mua đất. Còn chị T khi lấy chồng đã chuyển khẩu về nhà chồng, khi chị ly hôn chuyển khẩu về chung cùng gia đình bố mẹ còn chuyển năm nào bà không nhớ. Khi chị T ly hôn có một con nhà chồng nuôi. Khi đó bố bà là giáo viên về hưu, còn mẹ làm ruộng tại thôn H, xã N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết bà có đơn xin xét xử vắng mặt, bà trình bày: Hiện bà già yếu việc của gia đình Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị O đã lâu bà không còn nhớ gì cả. Việc tranh chấp của hai vợ chồng bà không có liên quan, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến tài sản của anh T, chị O khi Tòa giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết, bà trình bày: Bà là con ruột của bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh N (chết năm 2017), anh Nguyễn Văn T là em trai bà, chị O là em dâu của bà. Trước đây bà và em gái bà là chị Nguyễn Thị H có cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên chị em chúng tôi đã ly hôn (bà ly hôn năm 2002, chị H ly hôn khoảng năm 2010-2011) và về chung sống với cha mẹ ruột tại khu 10 thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống với cha mẹ, chị em bà đi làm và gửi tiền về cho cha mẹ bà quản lý. Cha mẹ bà dùng số tiền do chị em bà gửi về để

nhận sang nhượng thửa đất có diện tích 125m² tại khu C, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn T. Chị em bà gửi tiền về cho cha mẹ, cha mẹ tích lũy nhận sang nhượng đất nói trên, còn tại sao cha mẹ bà để anh Nguyễn Văn T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không nắm được. Trong thời gian bà và em gái bà đi làm ăn và gửi tiền về cho cha mẹ bà thì cha mẹ bà đã về hưu, chung sống cùng vợ chồng chị O, anh T. Theo bà được biết để tạo dựng được thửa đất có diện tích trên là do bà, chị H, anh T, cha mẹ bà góp vào để nhận chuyển nhượng. Tuy nhiên, số tiền bao nhiêu số tiền mỗi người góp là bao nhiêu bà không nắm rõ, số tiền nhận sang nhượng thửa đất nói trên là bao nhiêu bà không nắm được. Thời gian nhận sang nhượng đất khoảng năm 2008-2009. Sau khi nhận sang nhượng đất thì bà, chị H không quản lý mà do cha mẹ bà và vợ chồng anh T, chị O quản lý, sử dụng. Bà xác định mảnh đất có diện tích 125m² nói trên là tài sản chung cha mẹ bà, bà, chị H và vợ chồng anh T, chị O. Nay chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Văn T ly hôn, chia tài sản chung có liên quan đến 125m² đất nói trên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xác định bà được 1/6 giá trị quyền sử dụng đất, đề nghị chia cho bà bằng tiền. Bà không có yêu cầu độc lập gì. Việc gửi giấy tờ, tài liệu của Tòa án cho bà bà đề nghị gửi trực tiếp cho anh Nguyễn Văn T, anh T sẽ báo trực tiếp cho bà. Bà đề nghị Tòa án giải quyết. xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 61, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 bộ luật dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 15/12/2010, hiện đang ở cùng chị. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O.

3. Về tài sản chung: Giao chị O sử dụng 120.3m² đất thửa đất số 11 (Lô QH 11), tờ bản đồ số 25 địa chỉ: khu C, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ anh Nguyễn Văn T, chị O thanh toán cho anh T một nửa bằng tiền.

4. Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí và chi phí định giá: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T, bị đơn đang trú tại xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Theo chị O quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn do anh T rượu chè về đui đánh chị ra khỏi nhà. Tháng 8/2022 vợ chồng sống ly thân nhưng vẫn ở chung nhà, đến tháng 12/2022 anh T đui chị ra khỏi nhà chồng cắt đứt quan hệ từ đó cho đến nay. Theo anh T quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị O chơi bời với một người nữ giới anh đã khuyên bảo nhưng chị O bảo là bỏ chồng chứ không bỏ bạn nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 khi đó vợ chồng vẫn ở chung nhà. Tháng 12/2022 chị O bỏ ra ngoài ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị O xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Thị Kiều L, sinh ngày 16/12/2005, Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 15/12/2010, hiện hai con đang ở cùng chị O. Ly hôn cháu L đã trưởng thành không đề nghị tòa án giải quyết, chị O xin nuôi cháu T và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị,

anh T đồng ý. Xét việc nuôi con của chị O thấy rằng từ khi chị O, anh T sống ly thân cháu T vẫn ở cùng chị O, nguyện vọng của cháu T cũng xin được ở cùng mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung, để tránh sáo trộn. Nên giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Việc chị O không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung chị là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết chị O xác định vợ chồng có 125m² đất tại khu C, xã N, ly hôn chị yêu cầu chia đôi chị xin sử dụng bằng đất và thanh toán cho anh T một nửa bằng tiền. Anh T xác định 125m² đất tại khu C, xã N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn T không phải là của vợ chồng mà là của chung gia đình gồm bố mẹ anh (bố anh chết năm 2017), mẹ đẻ anh Trần Thị H và hai chị gái Nguyễn Thị T; chị Nguyễn Thị H. Ly hôn anh yêu cầu chia cho toàn thể gia đình, anh xin sử dụng bằng đất và thanh toán cho chị O bằng tiền. Hiện anh đang ở nhà trên đất của bố mẹ anh tại thôn H, xã N. Bà H trình bày bà không có liên quan, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến tài sản của anh T, chị O khi Tòa giải quyết vụ án. Bà H yêu cầu chia đều cho các thành viên trong gia đình bà xin sử dụng đất. Bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xác định bà được 1/6 giá trị quyền sử dụng đất, đề nghị chia cho bà bằng tiền. Chị O, anh T đều đồng ý diện tích đất theo đo đạc thẩm định tại chỗ là 120,3m².

Hội đồng xét xử xét thấy về nguồn gốc thửa đất số 11(lô quy hoạch 11), tờ bản đồ số 25 địa chỉ khu C, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc có nguồn gốc là do Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Nguyễn Văn T. Thửa đất trên là quy hoạch và được nhà nước giao.

Quá trình giải quyết anh T, bà H, bà T đều xác định đó là tài sản chung của cả gia đình gồm bố mẹ, bà T, bà H và vợ chồng chị O, anh T. Anh T cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để xác định đó là tài sản chung của cả gia đình. Theo xác minh tại Công an xã Ngọc Mỹ hộ anh Nguyễn Văn T có các nhân khẩu gồm anh T, chị O, bà Trần Thị H (mẹ đẻ anh T), cháu Nguyễn Kiều L (con anh T), cháu Nguyễn Hoàng Anh T (con anh T), bà Nguyễn Thị T (chị gái anh T), bà Nguyễn Thị H (chị gái anh T), chị Nguyễn Kim L (con gái chị). Trong nhân khẩu hộ anh T có bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Kim L nhập khẩu về từ năm 2012, còn các nhân khẩu khác cùng một hộ khẩu từ trước tới nay. Như vậy thời điểm hộ anh Nguyễn Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010 bà H và cháu L chưa nhập khẩu vào hộ anh T, còn việc bà H khai có gửi tiền về cho bố mẹ khi mua đất bà và chị T đi làm mỗi lần về có đem tiền về đưa trực tiếp cho bố mẹ

để đưa cho anh T mua đất không có giấy tờ gì, bà cũng không đưa được chứng cứ gì về việc gửi tiền. Bà Nguyễn Thị T trình bày số tiền mỗi người mỗi người góp là bao nhiêu bà không nắm rõ, số tiền nhận sang nhượng thửa đất nói trên là bao nhiêu bà không nắm được. Thời gian nhận sang nhượng đất khoảng năm 2008-2009 nhưng thực tế anh T, chị O được cấp ngày 20/01/2010. Bà Trần Thị H trình bày việc tranh chấp của hai vợ chồng bà không có liên quan, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến tài sản của anh T, chị Okhi Tòa giải quyết vụ án. Như vậy việc bà H, bà T xác định có gửi tiền cho bố mẹ là bà H và ông N để mua đất là không đúng. Do vậy đây là tài sản của chị O và anh T mua và chia cho anh chị mỗi người một nửa là phù hợp. Hiện nay anh T đang ở trên đất của bố mẹ anh, chị O chưa có nhà ở nên giao cho chị O sử dụng đất và thanh toán chênh lệch cho anh T một nửa bằng tiền là phù hợp.

Ngày 22/8/2024 Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng để lấy lời khai của các anh chị của anh T để đưa vào tham gia tố tụng là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bố anh T và đề nghị Văn Phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên môi trường huyện Lập Thạch cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ anh T. Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của vợ chồng chị O, anh T không phải là tài sản chung của gia đình anh T. Do vậy Tòa án không cần thiết phải tiến hành lấy lời khai các anh chị em của anh T để đưa vào tham gia tố tụng.

Tòa án cũng đã đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Thạch cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ anh T không có hồ sơ cấp giấy của hộ anh T. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lập Thạch cũng không tìm thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ anh T.

Hội đồng định giá tài sản 10.000.000đ/m² đất ở.

[6] Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị O, anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chi phí định giá tài sản: Chị O đã nộp 4.400.000đ (đã chi phí). Do yêu cầu của chị O được chấp nhận do vậy chị O, anh T mỗi người phải chịu một nửa. Anh T phải thanh toán cho chị Oanh 2.200.000đ.

[8] Về án phí: Chị O tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị O, anh T phải chịu án phí phân chia tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 61, Điều 69 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 15/12/2010, hiện đang ở cùng chị. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O. Anh T có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Giao chị O sử dụng 120.3m² đất thửa đất số 11 (Lô QH 11), tờ bản đồ số 25 địa chỉ: khu C, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ anh Nguyễn Văn Trọng trị giá 1.203.000.000đ có chiều cạnh 1-2= 25m, 2-3= 5m, 3-4= 25m, 4-1= 4,88m (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Chị Nguyễn Thị O thanh toán chênh lệch tài sản cho anh T 601.500.000đ (sáu trăm linh một triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6. Về chi phí định giá tài sản: Chị O, anh T phải chịu 4.400.000đ mỗi người phải chịu 2.200.000đ, anh T trả cho chị O 2.200.000đ.

7. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O tự nguyện chịu 150.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 28.060.000đ án phí phân chia tài sản nhưng được trừ số tiền 18.300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000125 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch, chị O phải nộp tiếp 9.910.000đ. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 28.060.000đ án phí phân chia tài sản.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Ngọc Mỹ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TO**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ